

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 222

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 15.12.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống! Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 272, bắt đầu xem từ giữa hàng thứ hai. Bắt đầu xem từ câu “nguyện lại nói”.

“Tất cả chúng sanh, nếu nghe tiếng ta, tiếng tức là danh hiệu, phát nguyện muốn sanh về thế giới ta, các chúng sanh này khi lâm mạng chung, tất cả đều thấy được ta và chư đại chúng trước sau vây quanh, lúc này ta nhập vào vô ế tam muội. Nhờ sức tam muội, đứng trước người này mà nói pháp. Nhờ nghe pháp mà đoạn trừ tất cả khổ não, tâm đại hoan hỷ. Tâm họ hoan hỷ, nên được bảo chân tam muội. Nhờ sức tam muội, khiến tâm được niệm và vô sanh nhẫn, sau khi mạng chung nhất định sanh vào nước ta”.

Đây là một đoạn kinh văn trong Kinh Bi Hoa, nói rõ về tình trạng người niệm Phật khi vãng sanh. Trong này nói, ý nghĩa tương đồng với trong tiểu bản kinh mà đại sư Huyền Trang phiên dịch. Phạm phu lâm chung không điên đảo, không tán loạn, vẫn phải cần oai thần bản nguyện của Phật A Đà gia trì. Nếu không được Phật lực gia trì, vãng sanh là điều không thể. Đặc biệt hiển thị nguyện lực của Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh, là nói về chúng sanh vãng sanh, điều kiện vãng sanh hoàn toàn ở tín tâm nguyện tâm. Tin thật, muốn đi, điều kiện này sẽ đầy đủ. Nói thì dễ, nhưng người tin thật, muốn đi quả thật không nhiều. Nếu như không tin, ta có thể làm trải nghiệm. Quý nói niệm Phật đường này của tôi, niệm Phật bảy ngày là vãng sanh. Không cần nói nhiều, bảy ngày vãng sanh, triệu tập mọi người đến niệm Phật, quý vị xem có thể triệu tập được mấy người. Đồng nghĩa là nói với mọi người, đến chỗ này của tôi là bảy ngày sau phải chết, như vậy có ai dám đến. Bởi vậy miệng nói vãng sanh thì dễ, nhưng thật sự vãng sanh sẽ khiến mọi người sợ hãi, không dám đi, đây là thật.

Từ đây chúng ta có thể hiểu, người tin thật, muốn cầu vãng sanh quả thật không nhiều. Bởi vậy đệ tử chơn chánh của Phật không nhiều, giả nhiều hơn. Bồ Tát thật cũng ít, Bồ Tát giả rất nhiều, khắp nơi đều có. Trong xã hội hiện tại của chúng ta, chúng ta không thể không biết. Quan trọng là phải hồi quang phản chiếu, nghĩ lại xem

mình là thật hay là giả, mình thuộc bên nào, điều này rất quan trọng. Làm sao để nhận ra? Nếu là thật, họ buông bỏ tất cả. Chỉ cần có một vài điều chưa buông bỏ, đó không phải thật, điều này rất dễ nhận ra. Trong cuộc sống hằng ngày, ta xem họ nghĩ gì, họ nói những gì. Nếu còn nghĩ đến những chuyện không liên quan, và nói những điều không liên quan, như vậy là không phải thật. Thật thì sao? Họ chỉ nghĩ đến một điều, là A Di Đà Phật, quý vị hỏi họ còn nghĩ gì khác nữa chẳng? Không có, không có ý niệm nào khác ngoài câu A Di Đà Phật. Mọi sự, mọi cảnh, mọi duyên khác đều tùy duyên, không có gì không tốt. Đó là thật, đó không phải giả.

Quan tâm đối với tất cả người sự vật, đó đều là dư thừa, vì sao vậy? Vì mỗi người đều có nghiệp lực của riêng mình, mỗi người đều có nguyên lực của mình, sức mạnh nào lớn? Nếu nghiệp lực mạnh hơn nguyên lực, như vậy nghĩa là quý vị tiếp tục trôi lăn trong luân hồi. Niệm Phật cũng không được, cũng không thể vãng sanh. Nếu nguyên lực, thật sự muốn đi, mạnh hơn nghiệp lực, như vật chắc chắn vãng sanh. Quyền thao túng này đều ở trong tay mình, không phải do người khác, không phải Phật A Di Đà làm chủ. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta, điều kiện vẫn là bản thân ta đồng ý hay không. Thuyền pháp của Bồ Tát đến, quý vị có muốn lên chẳng? Muốn lên nghĩa là được độ, không muốn lên tức là tiếp tục trôi lăn trong luân hồi. Chúng ta không thể không biết điều này. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian đều do mình thao túng, đạo lý này không thể không biết. Phật Bồ Tát không làm chủ được. Thượng đế cũng không làm chủ được. Vua Diêm la cũng không làm chủ được. Ai làm chủ? Chính mình làm chủ, đây mới là thật.

Trong kinh điển Đức Thế Tôn luôn nhắc nhở chúng ta, tổ sư đại đức thường cảnh tỉnh chúng ta, phải tin thật, phải nguyện thiết, vãng sanh được hay không đều dựa vào điều này. Đối với công phu niệm Phật sâu hay cạn, công phu niệm Phật sâu hay cạn không phải niệm Phật nhiều hay ít, không liên quan đến điều này. Nhưng nó có thể làm trợ duyên, nó không phải chủ yếu. Chủ yếu là gì? Chủ yếu ở chỗ ta buông bỏ được bao nhiêu, điều này quan trọng. Nếu thật sự tất cả pháp thế xuất thế gian đều buông bỏ hết, nhất tâm cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Một ngày niệm một câu, mười câu đều được, đều không ít. Đây quả thật như các bậc tổ sư nói: “một niệm tương ưng một niệm Phật”, một niệm đó của họ tương ưng với Phật A Di Đà. Chúng ta niệm một vạn câu, niệm mười vạn câu chưa chắc tương ưng. Người ta một niệm tương ưng, cho nên hiệu quả rất thù thắng, đạo lý là như thế.

Câu “tất cả chúng sanh” này, phạm vi bao gồm rất rộng, người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta biết hàng thượng thượng thừa là Bồ Tát, hàng hạ hạ căn đó là những chúng sanh tạo ngũ nghịch thập ác. Trong kinh nói với chúng ta, chỉ cần họ tin, thực hành đều có thể vãng sanh. Ngũ nghịch thập ác đều có thể vãng sanh, ở trước chúng ta đã học, cho nên phạm vi này rất rộng. Tất cả chúng sanh, “nếu nghe tiếng ta”,

tiếng tức là danh hiệu. Giả dụ quý vị nghe một câu nam Mô A Di Đà Phật, trên thực tế danh hiệu chính là A Di Đà Phật, nam mô không phải danh hiệu.

Cuối thời nhà Minh, lúc đại sư Liên Trì tại thế, câu chuyện này ghi trong Trúc Song Tùy Bút. Từng có người đến thỉnh giáo ngài, phải niệm Phật như thế nào? Đại sư dạy người khác niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Người khác hỏi, ngài niệm như thế nào? Ngài nói, tôi chỉ niệm A Di Đà Phật. Vậy tại sao ngài dạy người khác niệm Nam Mô A Di Đà Phật, còn chính ngài chỉ niệm A Di Đà Phật? Nam mô nghĩa là quy y, nghĩa là quy mạng, là lời khách sáo. Ta quy y Phật A Di Đà, quy mạng Phật A Di Đà. Trong kinh nói chấp trì danh hiệu, danh hiệu chỉ có bốn chữ, vì sao tôi niệm bốn chữ này? Vì tôi muốn vãng sanh, cho nên có thể lược bớt chữ nam mô, không cần dùng nó. Vì sao dạy quý vị niệm sáu chữ? Vì quý vị vẫn chưa muốn đi, cho nên phải thêm vào chữ nam mô, nam mô nghĩa là cung kính, cung kính Phật A Di Đà, quy y Phật A Di Đà, chính là nghĩa này. Vì sao vậy? Vì tâm ta không kiên quyết. Nếu tâm kiên quyết, tin thật, nguyện thiết, thì niệm bốn chữ này là được. Trong kinh nói, danh hiệu chỉ có bốn chữ, điều này nói rất rõ ràng thấu triệt.

Chúng ta phải tự do lương chính mình, bản thân thật sự hạ quyết tâm đi, chỉ cần bốn chữ này, càng đơn giản càng tốt. Chúng ta còn chút lưu luyến nào đối với thế gian này, thêm vào hai chữ nam mô cũng rất hay. Nếu như không còn lưu luyến thế gian này, không cần thêm vào hai chữ nam mô. Đại sư Ngẫu Ích dạy như thế.

Nghe danh sanh tín tâm, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, “phát nguyện muốn sanh về cõi nước của ta”. Thế giới ta nghĩa là thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, không thể không phát nguyện. Phát nguyện sanh thế giới Cực Lạc, đối với thế giới Ta bà phải buông bỏ một cách triệt để. Ở thế giới Ta bà còn một vài vấn đề, có cần làm chăng? Điều này cần phải học Chư Phật Bồ Tát. Trong kinh điển đại thừa nói với chúng ta: “Phật pháp ở thế gian, không lìa thế gian giác”. Trong Kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung, Đức Phật dạy chúng ta: “đệ tử Phật có thể được vì việc thế gian, không thể được vì ý thế gian”, khai thị này quá hay! Đệ tử Phật có thể làm việc thế gian, nhưng không được có ý, ý là gì? Ý nghĩa là tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, có phân biệt chấp trước, đây là ý thế gian. Nếu có những thứ này, khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác gọi là tạo nghiệp, tạo nghiệp gì? Tạo nghiệp thiện ác. Tạo thiện nghiệp, quả báo ở ba đường lành. Tạo ác nghiệp, quả báo trong ba đường ác, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Nghiệp lực nặng, sức dẫn dắt lớn, khi lâm mạng chung Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, Ngài kéo không nổi, vì nghiệp lực ta quá nặng. Trong kinh này nói rất nhiều, tâm, Phật và chúng sanh, ba thứ này đều bình đẳng. Chúng sanh chính là nói nghiệp lực của chúng sanh, sức mạnh của Phật, sức mạnh của tâm, nghiệp lực của mình, nghiệp lực không thể nghĩ bàn.

Đọc Kinh Địa Tạng quý vị đều rất rõ ràng, nghiệp lực từ đâu đến? Chính là do ta có ý thế gian. Ý thế gian, chúng ta dùng một câu đơn giản để nói, ta đối với thế gian này vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước, đây là ý thế gian. Không còn chấp trước, không còn phân biệt, thấy mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Làm việc tốt cũng là việc tốt, làm việc xấu cũng là việc tốt, như vậy nghĩa là hoàn toàn buông bỏ ý thế gian, tâm thanh tịnh, không còn bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm. Cảnh giới bên ngoài vừa động, tâm mình liền động, như vậy rất thiệt thòi.

Bởi vậy những giáo huấn trong kinh điển lợi ích hơn bất kỳ điều gì. Chúng ta tu hành, mục đích của Tịnh độ tông, mục đích hiện tại là gì? Tu như thế nào? Là tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm giác, tức trên đề kinh này nói: “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Cảnh duyên bên ngoài, chúng ta nói cảnh chính là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự. Hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự, từng giờ từng phút đang nhiễu loạn ý niệm chúng ta, nhiễu loạn tâm thanh tịnh. Nó khiến ta khởi tâm động niệm, bất luận là thiện niệm hay ác niệm ta đã khởi tâm động niệm. Học như thế nào để có thể trong cảnh duyên không khởi tâm không động niệm, đây gọi là công phu. Không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, người này là ai? Người này chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Không chấp trước tâm thanh tịnh hiện tiền, không phân biệt tâm bình đẳng hiện tiền, không khởi tâm không động niệm tâm giác hiện tiền. Chúng ta tu hành có công phu gì? Cảnh giới bên ngoài vừa động, tâm chúng ta liền chuyển động theo, như vậy là sao? Hoàn toàn không có chút công phu nào, thông thường chúng ta gọi là không giữ được bình tĩnh. Luôn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, như vậy đâu được!

Chúng ta thấy có một số người tu hành rất tốt, từ đâu để nhận ra? Họ không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Cảnh giới nhỏ giống như không có chuyện gì xảy ra, cảnh giới lớn đôi lúc động một chút, động một chút họ lập tức quay đầu. Đó là gì? Nó đang thử thách chúng ta. Tánh cảnh giác rất cao, sao ta lại động tâm? Sao lại bị cảnh giới chuyển? Lúc này phải sám trừ nghiệp chướng, dùng phương pháp gì để sám trừ? Niệm A Di Đà Phật sẽ sám trừ được nghiệp chướng. Bởi vậy trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không còn ý niệm nào nữa. Như vậy là thành công, đã thành tựu tịnh nghiệp. Người thành tựu tịnh nghiệp có thể vắng sanh bất kỳ lúc nào, thật sự được tự tại.

Người có tin thật, nguyện thiết, “những chúng sanh này khi lâm chung đều được thấy ta”. Lời Phật A Di Đà nói là thật, không phải giả, khi lâm chung nhất định thấy Phật A Di Đà. Không những thấy Phật A Di Đà, mà Phật A Di Đà cùng với đại chúng trước sau vây quanh, họ đến tiếp dẫn ta. Hàng đại chúng này ở trước chúng ta đã thấy, có chúng Bồ Tát, có chúng Thanh văn. Vì sao hàng đại chúng này theo Phật đến tiếp dẫn chúng ta? Ở trước chúng ta đã lộ ra một tin tức, là người có nhân duyên với mình từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, họ đã niệm Phật sanh đến cõi Tịnh độ từ lâu. Bây

giờ chúng ta đến đó, họ đều nhìn thấy, tất cả cùng đi với Phật A Di Đà đến nghênh đón. Vãng sanh thế giới Cực Lạc, đừng tưởng rằng ở đó rất xa lạ, đến đó không có người bạn nào, như vậy là sai. Khi đến thế giới Cực Lạc, bất luận là bằng hữu trong cõi nào từ vô lượng kiếp đến nay đều đến, rất náo nhiệt, thế gian này không thể sánh được, đều đến tiếp dẫn. Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, Thiên nhân đi cùng Phật đến tiếp dẫn, tất cả đều là người có duyên, họ đều đến, đều đi hoan nghênh ta. Ta trở về thế giới Cực Lạc, là trở về quê hương.

“Lúc này ta nhập vô ế tam muội”, xem tên của tam muội là hiểu ý nghĩa của nó. Ế là mắt có khuyết điểm, vô ế là mắt sáng suốt, rõ ràng minh bạch, đây nghĩa là gì? Đức Phật có thể biết trong nhiều đời kiếp quá khứ của ta, ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, ngài đều biết hết. Biết được những điều này có lợi ích gì? Biết được căn tánh của ta, sau đó tùy bệnh cho thuốc, như vậy không phải lành bệnh u? Trong Phật pháp gọi đây là thuyết pháp khế cơ, khiến thiện căn từ vô thi kiếp của ta đều khởi tác dụng. Bởi vậy vừa nghe Phật nói, ta liền hiểu hết. Ở thế gian này dù học như thế nào cũng không hiểu, đến thế giới Cực Lạc mỗi câu mỗi chữ đức Phật nói ta đều hiểu. “Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, đến thế giới Cực Lạc điều này không có gì khó, câu nói này là thật. Ở thế gian chúng ta câu này quả thật không đơn giản.

Đức Phật thuyết pháp cho chúng ta, chúng ta nghe được, xem bên dưới chính là hiệu quả. Tâm là rất nhanh, có thể đoạn từ tất cả khổ não, như thế nào? Nghiệp chướng tiêu trừ. Nghe Phật thuyết pháp, nghiệp chướng tiêu trừ, như vậy mới trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nếu nghiệp chướng không tiêu trừ, làm sao có thể đạt đến cảnh giới này?

Trong câu này còn có ý nghĩa rất sâu sắc, bốn nguyện của Phật là giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ của chúng sanh từ đâu mà có? Do mê hoặc mà có, chỉ có mê hoặc họ mới tạo nghiệp, nếu họ không mê họ không tạo nghiệp. Chư vị phải biết, tạo nghiệp không phải chỉ nói tạo ác nghiệp, mà tạo thiện cũng là tạo nghiệp, thiện ác đều ở trong đó. Chúng ta học Phật bao nhiêu năm nay, vấn đề này phải hiểu cho rõ ràng. Trong lục đạo có thiện ác, thiện nghiệp là ba đường lành, ác nghiệp là ba đường ác. Trong tứ thánh pháp giới không có thiện ác, cho nên họ không có đường thiện và đường ác. Thiện ác nhị biên họ đều lìa xa, cho nên họ tu là tịnh nghiệp, tứ thánh pháp giới gọi là Tịnh độ. Tịnh độ này so với lục đạo, lục đạo là ô nhiễm, nó là thanh tịnh. Bởi vậy phải nhớ, ác là ô nhiễm, thiện cũng là ô nhiễm.

Bồ Tát hiện thân thuyết pháp dạy chúng ta, làm mô phạm cho chúng ta. Họ tạo ác, trong tâm không để lại dấu vết, không có ô nhiễm. Tạo thiện nghiệp cũng không để lại dấu vết, đây gọi là gì? Gọi là tam luân thể không, căn bản trong tam luân thể không, điều kiện thứ nhất là gì? Là vô ngã. Rất tuyệt vời, có ngã tức là có thiện ác nghiệp, còn vô ngã, vô ngã ai tạo thiện ác nghiệp?

Trong Kinh Kim Cang, ta đọc Kinh Kim Cang thấy nửa bộ trước của Kinh Kim Cang: “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, ai chứng được? Tu đã hoàn chứng được. Hay nói cách khác, phá được ngã tướng là vào cửa Phật, không còn tạo nghiệp. Có ngã tức là tạo nghiệp, vô ngã là không tạo nghiệp. Vô ngã, ai tạo nghiệp? Nhất định phải biết, thân không phải là ta. Không những thân không phải ta, mà tâm cũng không phải là ta, tâm là gì? Là vọng tâm, vọng tâm cũng không phải là ta, chân tâm mới là ta. Chân tâm đầy đủ vô lượng trí tuệ đức tướng, vọng tâm không có. Vọng tâm từ đâu mà có? Vọng tâm do vọng tưởng sinh ra, nói cách khác là do phân biệt chấp trước sanh ra. Phân biệt là đệ lục Ý thức, chấp trước là đệ thất Mạt na thức. Mạt na là ý nhiễm ô, Mạt na là ô nhiễm. Đức Phật dạy chúng sanh, Phật rất rõ ràng, ta tạo nghiệp là thuộc về mê hoặc điên đảo. Đức Phật dùng phương pháp gì giúp chúng ta lìa khổ được vui? Phật dùng phương pháp dạy học, dạy chúng ta, dạy chúng ta ta sẽ khai ngộ, ta sẽ minh bạch. Sau khi hiểu tự nhiên không còn tạo nghiệp, mà vì thuyết pháp. Chúng ta mới hiểu lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, thuyết pháp 49 năm, không có ngày nào không thuyết pháp. Chúng ta ngày ngày nghe pháp, dần dần khai ngộ. Căn tánh lanh lợi gọi là một lần nghe ngàn lần ngộ, hạng thượng thượng căn vừa nghe là hiểu triệt để. Như ngài Huệ Năng thời nhà Đường vậy, nghe ngũ tổ Hoàng Nhẫn khai thị mấy câu, ngài liền thấu hiểu triệt để, Ngũ tổ đem y bát truyền cho ngài, đây là hàng thượng thượng căn. Hàng thượng căn phải nghe một thời gian, dài hay ngắn không nhất định. Khoảng trong vòng ba năm, nghe khoảng ba năm họ sẽ khai ngộ, đây là hàng thượng căn. Nghe khoảng mười năm, 20 năm là khai ngộ, đây là hàng trung căn. Nghe khoảng 30 năm, 50 năm là khai ngộ, là hàng hạ căn. Khai ngộ thật, không phải giả. Chúng ta thuộc căn tánh gì? Tuyệt đại đa số thuộc hàng trung hạ căn tánh, hàng trung hạ căn tánh đến khi nào mới có thể khai ngộ? Chúng tôi vừa mới nói, phải 10 năm trở lên, không thể ít hơn mười năm. Mười năm là hàng trung căn, 20 năm là hạ căn.

Phải có tâm nhẫn nại, ngày ngày nghe, mỗi ngày nghe, nghe bao lâu? Thời gian càng lâu càng tốt, vì sao vậy? Vì để huân tập kinh giáo, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Không cần nghe nhiều, nghe nhiều sẽ tạp, chỉ nghe một bộ kinh. Các bậc cổ đức dạy cho chúng ta phương pháp, chúng ta đều không tin, cho nên mất nhiều lợi ích. Học quá nhiều, học nhiều thứ khiến tâm ta tạp loạn, buông bỏ kinh sách là suy đông nghĩ tây, hư hỏng là ở đây. Nếu thâm nhập một môn, ngày ngày chỉ nghĩ đến một thứ, một bộ kinh, dài ngắn cũng không sao. Ngắn một chút, như Kinh A Di Đà không dài lắm, suốt đời chỉ thọ trì Kinh A Di Đà, một ngày đọc 30 biến, 50 biến, trường thời huân tu. Hàng căn tánh bậc trung đọc mười năm sẽ khai ngộ, được niệm Phật tam muội, được khai ngộ. Hàng hạ căn huân tập 20 năm, chắc chắn khai ngộ. Khi học tập, điều kiện đầu tiên là không hoài nghi, dùng tâm chân thành cung kính để học tập. Điều kiện thứ hai là không có xen tạp, chỉ chuyên tâm vào một môn, không muốn học môn thứ hai. Như vậy là không xen tạp, là chuyên. Đây nghĩa là nhà Phật nói, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Chuyên vào một môn chính là tu định, nhất

định phải biết điều này, mục đích là gì? Mục đích ở chỗ khai ngộ. Không phải nhớ nhiều, nhớ nhiều cũng vô ích, nhất định phải khai ngộ. Không Tử nói: “Ngô đạo nhất dĩ quán chi”, nhất nghĩa là gì? Nghĩa là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, là nhất dĩ quán chi. Một bộ kinh thông thì tất cả đều thông, đây là nhà Phật thường nói một kinh thông tất cả kinh thông, đây gọi là nhất dĩ quán chi.

Điều này thông thường người ta không tin, họ cảm thấy học một thứ không đủ, phải học rộng nghe nhiều, không tuân thủ giới luật. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu là giới luật, ta không tuân thủ muốn học rất nhiều thứ, học rất tạp, rất loạn. Thầy đối với học sinh như vậy đều rất cung kính, rất khách sáo, rất tốt. Muốn học gì, được em cứ học! Quý vị không chịu nghe lời, họ cũng không đối nghịch với quý vị, chỉ tương đối, tùy quý vị, để quý vị lãnh hội dần dần. Quý vị học khoảng 10 năm, 20 năm, phiền não vẫn không thể đoạn trừ, lúc này chắc quý vị giác ngộ được. Phiền não vẫn giống như lúc chưa học Phật, thậm chí còn nhiều hơn trước. Điều này chứng minh Phật pháp quý vị học được đều uổng phí, chỉ học được vài câu Phật pháp ngoài miệng, không hề đem đến lợi ích. Được lợi ích chính là phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, đây là được lợi ích. Phiền não mỗi ngày một ít, mỗi năm mỗi ít đi, tâm quý vị mỗi năm mỗi thanh tịnh hơn, mỗi năm mỗi bình đẳng hơn. Như vậy là công phu thành tựu, người này gọi là học Phật chơn chánh. Người học Phật như thế rất ít, đúng là rất ít thấy.

Trước đây lúc tôi còn trẻ, theo học kinh điển với thầy Lý. Thầy tổ chức một lớp học giảng sư, chính là dạy giảng kinh. Thầy có hai lớp, một lớp dạy diễn giảng, một lớp dạy giảng kinh, Hơn 30 học sinh, được mấy người thành tựu? Đối với học sinh biết nghe lời thầy không khách sáo, có đánh có mắng, thầy cũng đánh người. Đối với học sinh không nghe lời thầy rất khách sáo, chưa từng trách cứ, thái độ rất ôn hòa. Chúng tôi tuổi trẻ không hiểu chuyện, mới hơn 20 tuổi, thấy thầy như thế liền sanh nghi hoặc, lại không dám hỏi. Nhưng lâu ngày thầy nhận ra điều đó, kêu tôi đến phòng nói điều này cho tôi nghe, thầy biết tôi có nghi hoặc. Thầy nói người không thể tiếp thu giáo huấn kinh điển, không nghe lời, không cần nỗ lực dạy họ, xem họ như thế nào? Như học sinh dự thính. Thầy dùng cách này để hình dung, xem họ như học trò dự thính, không kết oán thù với họ. Nếu mắng họ ghi hận trong lòng, nếu đánh họ sẽ báo thù, như vậy không phải rất phiền phức ư? Oan oan tương báo không bao giờ dứt. Bởi vậy đối với học trò không nghe lời, thầy rất khách sáo, rất hoan hỷ. Giờ học, hoan nghênh quý vị đến nghe, nghe nhiều hay ít không quan trọng. Người thật sự muốn học dù đánh dù mắng cũng cảm ơn, người đó nhất định phải đánh, nhất định phải mắng. Họ sẽ cảm ân, vì họ muốn học, người học thành tựu quả thật không nhiều. Nếu miễn cưỡng cũng coi như có chút thành tựu, tôi thấy bất quá cũng chỉ năm sáu người mà thôi. Thầy dạy trong một phòng học, những gì mọi người đạt được là bình đẳng. Mỗi người lãnh ngộ khác nhau, đó chính là xem ta có nghe lời hay không, có giữ quy củ hay không, quả nhiên y giáo phụng hành đều có thành tựu. Do đây có thể biết thành

tự không do thầy giáo, mà ở bản thân mình. Thầy giáo giỏi, rất tốt, nếu ta không siêng năng học cũng chỉ uổng phí.

Thầy từng nói với tôi, học trò muốn tìm một thầy giáo tốt không dễ, có thể gặp mà không thể cầu. Trái lại thầy giáo muốn tìm một học trò giỏi, còn khó hơn học sinh muốn tìm thầy giáo giỏi, đến đâu để tìm! Thầy rất muốn có học sinh giỏi, vì sao vậy? Vì như thế đạo có người truyền thừa, không đến nỗi đoạn tuyệt. Đây là cổ nhân nói: “bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất”. Dù bản thân ta làm tốt đến mấy mà không có người để kế thừa, đến khi ta chết là hết, thành tích đó đồng nghĩa với con số không, vì ta không có truyền thừa. Do đây chúng ta có thể hiểu, một người thầy giỏi họ yêu học sinh, họ hy vọng học sinh thành tựu. Không những hy vọng học sinh thành tựu, mà còn hy vọng học sinh giỏi hơn mình, đây là thật.

Từ kinh nghiệm của lịch sử chúng ta sẽ hiểu, nếp sống xã hội ngày càng đi xuống, đời này không bằng đời trước. Thời đại chúng tôi, giảng kinh dạy học cho các vị đồng học hiện nay, năng lực học của chúng tôi có thể ứng phó. Nhưng quý vị phải biết, ta không ứng phó được đời sau, vì sao vậy? Vì đời sau bị ô nhiễm còn nặng nề hơn thời hiện đại nhiều. Hay nói cách khác, trí tuệ quý vị không hơn tôi, năng lực không hơn tôi, như vậy thì không thể dạy được đời tiếp theo, đây là sự thật! Là hiện tượng bày ra trước mắt, ta không thể không thừa nhận.

Ngày xưa khi chúng tôi làm học sinh tiểu học, ít khi nghe thầy giáo nói học sinh rất khó dạy. Khi chúng ta làm con cái, cũng không nghe có ai nói con cái không nghe lời, dù có thì cũng rất ít. Hiện nay rất phổ biến, chúng ta thấy rất nhiều gia trưởng khi gặp mặt_họ đều là Phật tử, nói rằng con cái không biết nghe lời. Gặp các thầy cô giáo cũng nghe họ than vãn, học sinh không biết giữ phép tắc, nghĩa là sao? Tức là đời này không bằng đời trước, nhiễm ô ngày càng nghiêm trọng. Bởi vậy chúng ta muốn truyền cho học sinh này, năng lực học sinh không được giỏi hơn mình, trí tuệ đức năng đều không hơn mình, họ không thể dạy cho đời sau được. Đây gọi là “thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam”. Đạo học nhất định là đời này tốt hơn đời trước, họ mới có thể gánh vác. Nếu họ dừng lại ở mức thời đại của chúng tôi, họ không thể dạy được. Ngày nay chúng tôi đối diện với xã hội này, so với thời đại của thầy, gian nan hơn rất nhiều. Thời đại của thầy, xã hội không tốt, nhưng tốt hơn hiện nay rất nhiều.

Hiện tượng thực tế bày ra trước mắt chúng ta, chúng ta phải quan sát lãnh hội tường tận, mới biết chúng ta nên ứng phó với hoàn cảnh hiện tại như thế nào, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Dạy học ngày nay nhất định phải làm gương, điều này lúc Thế Tôn còn tại thế đã làm mô phạm cho chúng ta. Bản thân ta không làm được, làm sao có thể dạy người khác?

Chúng ta thử nghĩ xem, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thân là vương tử, phụ thân là quốc vương, nhưng bản thân sống cuộc sống như thế nào? Sống cuộc đời của

một vị tăng khổ hạnh, ngày ăn một bữa, ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, ngài sống cuộc sống như thế, học sinh học theo ngài đều khâm phục. Ngày dạy chúng ta phải buông bỏ, bản thân ngài đã triệt để buông bỏ. Nếu dạy chúng ta buông bỏ mà bản thân ngài không buông bỏ, như vậy không được, đó không phải thật. Ngài buông bỏ hoàn toàn. Niệm niệm nhớ đến chúng sanh, không nghĩ đến mình, đích thực đã đạt đến vô ngã. Tâm lượng lớn, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Chúng ta học bao nhiêu năm nay đã hiểu, Đức Phật ở thế gian này, bất luận trong hoàn cảnh nào, ngài đều làm được không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Chúng ta lãnh hội tường tận từ trong kinh điển, thấy ngài xử sự đối nhân tiếp vật, một tấm lòng từ bi, chân thành, bình đẳng. Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy, mục đích là muốn chúng ta học tập, học tập ngôn hành nhất trí.

Ngày nay chúng ta ngày càng lãnh hội sâu sắc nỗi khổ của cõi Ta Bà. Cỗ nhân nói Ta Bà khổ, cũng không khổ như hiện nay, rất khổ, đời này khổ hơn đời trước. Chúng ta phải cảnh giác cao độ, phải lìa xa thế giới Ta bà. Lìa xa thế giới Ta bà chỉ có một con đường duy nhất, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, như vậy sẽ lìa xa. Mà con đường này bất kỳ ai cũng có thể đi được, tất cả chúng sanh đều có thể áp dụng câu này, bao gồm chúng ta. Không gặp được pháp môn này thì không có gì để nói, gặp pháp môn này vấn đề là ta có muốn vãng sanh hay không, nếu muốn đi quả thật có thể đến đó được. Gặp Phật A Di Đà, ngài tùy cơ thuyết pháp, vì sao vậy? Vì ngài đối với vô lượng kiếp quá khứ của chúng ta, đời đời kiếp kiếp, ngài quá rõ ràng quá minh bạch. Bởi vậy thuyết pháp cho chúng ta rất khế cơ, ngài vừa thuyết pháp chúng ta liền lìa khổ được vui.

Đoạn trừ tất cả khổ não, tâm đại hoan hỷ, khổ não là gì? Chấp trước là khổ não, phân biệt là khổ não, vọng tưởng là khổ não, đoạn tận tất cả. Vì tâm chúng ta hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, cho nên mới đạt được bảo chân tam muội.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc được ba loại nhãn, trong ba loại này quan trọng nhất là vô sanh pháp nhãn. “Khiến tâm được niệm và vô sanh nhãn”, khiến tâm được niệm, niệm này là chánh niệm. Lục đạo phàm phu là tà niệm, không phải chánh niệm. Niệm này là chánh niệm của Như Lai, có niệm chăng? Không thể nói không có, cũng không thể nói có. Câu này rất quan trọng, nếu không có câu này những gì quý vị chứng được, gần giống như vô tướng định. Không khởi tác dụng, cứng ngắc. Có niệm này là linh động. Niệm này là gì? Là khởi cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh, chúng sanh có cảm, niệm này liền ứng. Tất cả Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát và chúng sanh trong mười pháp giới, chúng sanh có cảm họ liền có ứng. Đây là tánh đức của tự tánh, pháp thân Bồ Tát mới chứng được. Vô sanh nhãn, vô sanh nhãn, nhãn ở đây gọi là thừa nhận, thừa nhận điều gì? Thừa nhận tất cả pháp vốn không sanh, vô sanh. Chúng ta thấy tất cả pháp có sanh có diệt, thấy sai. Thật ra tất cả pháp không sanh không diệt.

Hiện nay các nhà lượng tử lực học đã phát hiện, quý vị xem họ đã nói một câu rằng, thế gian này căn bản không có vật chất tồn tại. Họ không thừa nhận có vật chất, vậy vật chất là gì? Là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục mà sanh ra, nó không phải thật. Rất giống với Phật pháp nói, Phật pháp nói tất cả pháp không sanh, tất cả pháp không diệt. Ai có thể thấy được? Bồ Tát chứng được vô sanh nhãn thấy được, vô sanh nhãn phải thất địa trở lên, đó là đại Bồ Tát. Định công của họ chính là tam muội lực, tam muội lực tức là định công, họ thấy được.

Các nhà khoa học dùng máy móc quan sát được, cho nên những gì khoa học đạt được là tri thức. Chứng được tam muội là trí tuệ, trí tuệ có đức dụng, đức dụng viên mãn. Tri thức không được, tác dụng của tri thức rất có hạn lượng, mà còn có tác dụng phụ. Trí tuệ không có tác dụng phụ, bởi vậy trí tuệ có thể giải quyết mọi vấn đề. Giải quyết vấn đề gì? Giải quyết vấn đề phiền não. Tri thức không thể giải quyết phiền não, trí tuệ có thể giải quyết phiền não, thật sự khiến ta đoạn phiền não, chứng bồ đề. Đây là điểm khác biệt giữa trí tuệ và tri thức.

“Sau khi mạng chung nhất định sanh vào cõi nước ta”. Những gì ở trước là nói với chúng ta, người khi lâm mạng chung, cảnh giới mà họ nhìn thấy là Phật đến thuyết pháp cho họ, họ có thể lập tức khai ngộ. Sau khi mạng chung, quý vị thấy ở trước nói khi lâm mạng chung, đây là nói sau khi thấy Phật nghe pháp liền sanh đến thế giới Cực Lạc. Đoạn này nói rất tường tận, trong các kinh điển khác không nói tường tận như thế.

Trong Kinh Bi Hoa lộ ra một đoạn tin tức như vậy. Kinh này hiển lộ tha lực diệu dụng vô cùng rõ ràng, đây là cư sĩ Hoàng Niệm Lão nói. Kinh này là Kinh Bi Hoa, trong đoạn kinh văn này nói Phật A Di Đà, tha lực là Phật A Di Đà, oai thần bốn nguyện là lực dụng, nói cực kỳ rõ ràng minh bạch.

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ chính là Kinh A Di Đà do đại sư Huyền Trang phiên dịch, là tiểu bản của kinh này. “Kinh Bi Hoa nói Di Đà nhân địa và Cực Lạc trang nghiêm, đều nói rõ Phật này tiếp dẫn khi lâm chung, nguyện lực thù thắng nhiếp thọ vãng sanh. Cho thấy nguyện vương của Phật Di Đà diệu đức khó nghĩ bàn, đại ân đại lực không thể đo lường”.

Từ Kinh A Di Đà của ngài Huyền Trang phiên dịch, và đoạn khai thị trong kinh văn của Kinh Bi Hoa ta có thể lãnh hội được. Người niệm Phật khi lâm mạng chung Phật đến tiếp dẫn, sự thù thắng trang nghiêm đó, chư vị phải biết, “khiến tâm được niệm và vô sanh nhãn”. Đây là ai? Là thượng thượng phẩm vãng sanh. Khoảng mức độ nào chúng ta có thể lãnh hội được? Công phu niệm Phật thuần thực, khi lâm mạng chung không hề bệnh hoạn, không có bệnh khổ, biết trước giờ chết, vãng sanh tự tại, người như vậy có thể lãnh hội được. Cũng chính là như thế nào? Bình thường niệm Phật, nghiệp chướng của họ tiêu trừ, nên khi mạng chung được tự tại như thế. Đây là

mong muốn của chúng ta. Tình trạng này khi lâm chung cần người trợ niệm chăng? Không cần thiết, họ không có chút vướng bận nào, cũng không hề sanh bệnh, nói đi là đi. Tình hình họ ra đi nhất định giống như trong Kinh Bi Hoa nói, đây là thượng thượng phẩm vãng sanh. Sanh đến thế giới Cực Lạc, là hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh. Ai làm được? Chúng ta tuyệt đối đừng cho rằng, mình nghiệp chướng quá nặng nề, chắc không làm được điều này, chúng ta hạ hạ phẩm vãng sanh là quá tốt rồi, quan niệm như thế là sai lầm. Các bậc cổ đức đích thực ở trước chúng ta đã học, có người nói thượng bồi vãng sanh là Bồ Tát, trung bồi vãng sanh là A la hán, Bích Chi Phật, phàm phu vãng sanh chỉ ở hạ bồi. Các bậc cổ đức có cách nói như thế, nhưng đại sư Thiện Đạo không nói như vậy. Đại sư Thiện Đạo nói, là sự động viên rất lớn cho chúng ta, ngài nói tứ độ tam bồi cứu phẩm đều do gặp nhân duyên khác nhau. Hay nói cách khác, người tạo tội ngũ nghịch thập ác, nếu gặp được nhân duyên thù thắng, có thể được thượng thượng phẩm vãng sanh chăng? Được. Nhân duyên vô cùng quan trọng. Gặp được thiện hữu tri thức, gặp được pháp môn này, nhân duyên của chúng ta thù thắng vô cùng, chớ vị cần phải biết điều này.

Bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, từ khi hội tập thành công đến nay, khoảng tám đến mười năm, không phải quá lâu xa. Nhưng sự lưu thông của nó, chúng ta đã gặp được. Ông dùng tâm huyết cả cuộc đời để hội tập bộ kinh này, sau khi kháng chiến thắng lợi mới bắt đầu lưu thông, số lượng lưu thông rất ít. Pháp sư Luật Hàng đem từ Đại lục đến Đài Loan ba cuốn, tặng một cuốn cho thầy Lý, thầy Lý nhận được vô cùng hoan hỷ. Đặc biệt là bài tựa rất dài ở trước, là do ông Mai Quang Hy, thầy của thầy viết. Thầy Lý học Phật pháp với thầy Mai, đọc bài tựa của thầy Mai viết thầy Lý cảm thấy rất thân thiết.

Ở Đài Loan từng ấn tổng hai lần, số lượng cũng không nhiều. Theo tôi dự đoán, mỗi lần ấn tổng khoảng 1000 cuốn, in ở Đài Loan tổng cộng không quá 3000 cuốn. Tôi có ấn tổng một lần được 1000 cuốn, thầy ấn tổng khoảng hai lần. Lưu thông với số lượng lớn là sau khi thầy Lý vãng sanh, khi thầy còn sống từng giảng kinh này một lần, giảng một lần ở Đài Trung. Thầy có bản chú thích đầu lẻ, thầy cho tôi cuốn này, để kỷ niệm thầy Lý, tôi ấn tổng 10 ngàn cuốn này.

Ở Mỹ tôi gặp cư sĩ Hoàng Niệm Tô, chỉ nói qua điện thoại, chưa từng gặp mặt, vì thời gian ông ở Mỹ rất ngắn, chỉ ở được một tháng thì ông trở về Bắc Kinh. Ông chỉ mang theo một cuốn, chính là bản chú giải đại kinh này, chỉ mang theo một cuốn và tặng cho tôi. Bản in dầu, không phải sắp chữ, là in dần. Viết bằng bảng thép, in dầu. Tôi nhận được hoan hỷ vô tận, liền gọi điện hỏi, ông có bản quyền chăng? Có bản quyền thì thôi, nếu không có bản quyền tôi đem về Đài Loan làm thành bản ấn tổng ra. Ông nói không có bản quyền, hoan nghênh in ấn lưu thông. Chúng tôi đem chú giải của ông về Đài Loan in 10 ngàn cuốn. Bản đầu tiên in 10 ngàn cuốn, về sau không

biết tái bản biết bao nhiêu lần, quá nhiều, chắc phải in đến mấy mươi bản, số lượng đều rất nhiều, trong nước và nước ngoài đều lưu thông.

Sau đó tôi đến Bắc Kinh thăm Hoàng Niệm Tổ, gặp ông nói đến bộ kinh này. Tất cả chúng sanh 9000 năm trong thời kỳ mạt pháp, có thể được độ thành Phật ngay trong đời, đều nhờ vào pháp môn này, bộ kinh này. Bộ kinh này các bậc cao tăng trước chúng ta chưa từng thấy, những gì họ thấy là năm loại nguyên bản dịch, không thấy được bản hội tập này. Đại sư Ân Quang cũng chưa thấy, quý vị nói chúng ta hạnh phúc biết bao, gặp được nhân duyên thù thắng biết bao! Không có bộ kinh này, bản hội tập này, không có chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, nếu chúng ta không đọc Kinh Bi Hoa, làm sao biết được đoạn kinh văn này? Hoàng Niệm Lão chú giải bộ kinh này, tham khảo hơn 190 loại kinh sách. Chúng ta đọc chú giải này, đồng nghĩa với đọc hơn 190 loại kinh luận, nhân duyên này thù thắng biết bao! Đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói, một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã gặp được rồi.

Trong bộ kinh này, trong chú giải này chúng ta thấy rất rõ ràng minh bạch, chúng ta có phần của thượng thượng phẩm vãng sanh như trong Kinh Bi Hoa nói chẳng? Chúng ta có thể khẳng định là có phần, vấn đề là ta có buông bỏ triệt để thế giới Ta bà này hay không. Buông bỏ không phải nói buông bỏ về sự, sự không sao, về sự không có chướng ngại. Phải buông bỏ từ tâm, sự có, tâm không thể có, tâm có là rất phiền phức. Dùng tâm thanh tịnh để hành sự, dùng tâm bình đẳng để đối nhân. Ta từ hàng hạ hạ căn biến thành hàng thượng thượng căn, điều này rất quan trọng.

Đoạn này chúng ta học đến đây, chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới, nói về A Duy Việt Trí, đây là câu sau cùng của nguyện văn. Vãng sanh thế giới Cực Lạc đều được A Duy Việt Trí Bồ Tát, đều làm A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí còn gọi là A Bệ Bạt Trí, đây là lúc phiên dịch âm có một chút khác nhau, nhưng cùng một nghĩa. A Duy Việt Trí và A Bệ Bạt Trí là cũng một ý nghĩa, nguyên văn là một câu kinh văn. “Dịch là bất thoái chuyển”, dịch sanh tiếng Trung nghĩa là bất thoái chuyển. “Là tên gọi quả vị cấp bậc của Bồ Tát”, A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát cao cấp, không phải Bồ Tát thông thường. Căn cứ trong Di Đà Yếu Giải, do đại sư Ngẫu Ích trước tác: “A Bệ Bạt Trí, ở đây gọi là bất thoái. Thứ nhất là vị bất thoái, nhập vào dòng thánh, không đọa vào phàm phu,- chúng ta đọc hết câu này- Thứ hai là hành bất thoái, hằng độ sanh, không đọa vào nhị thừa. Thứ ba là niệm bất thoái, tâm tâm lưu nhập tát bà nhược hải”. Đây là đại sư Ngẫu Ích trong Di Đà Kinh Yếu Giải, nói với chúng ta về ba loại bất thoái của A Duy Việt Trí. Loại thứ nhất là họ đã nhập vào dòng thánh, không còn thoái chuyển về phàm phu. Nghĩa là nói họ là thánh nhân thật sự, họ không phải phàm phu. Là ai? Bên dưới nói là sơ quả tiểu thừa, đại thừa như Kinh Hoa Nghiêm là Bồ Tát sơ tín vị. Vì sao họ có thể không thoái chuyển? Họ đoạn tận tam giới cửu địa 88 phẩm kiến hoặc, đây là đoạn phiền não. 88 phẩm kiến hoặc, Đức Phật vì phương tiện cho

việc dạy học, ngài quy nạp nó thành năm loại lớn, năm loại kiến hoặc, vì phương tiện dạy học.

Thứ nhất là thân kiến, phạm phu chúng ta chấp trước thân này là ta, như vậy là sai lầm, thân không phải ta. Thân là gì? Trong Phật pháp nói thân là ngã sở, là ta sở hữu, không phải ta. Giống như áo quần vậy, áo quần là ta sở hữu, nó không phải là ta. Đức Phật dạy chúng ta phải nhận thức rõ ràng, thân không phải ta, thân có sanh tử, nói cho chư vị biết, ta không có sanh tử. Áo quần rách, thay chiếc khác. Bởi vậy ta đầu thai vào trong luân hồi lục đạo, như vậy là sao? Đó là ta, thân không phải ta, quý vị thường thay đổi thân thể. Thay đổi thân thể có gì đáng sợ? Là việc rất bình thường. Nhưng tại sao ta ở mãi trong lục đạo, không ra khỏi lục đạo? Vì ta mê, mê thì sao? Mê nên chấp trước đó là ta. Bây giờ đến các nhà triết học phương tây cũng như vậy, họ biết thân không phải là ta. Đối với họ cái gì là ta? Sự suy tư đó là ta, họ có một sự chấp trước như thế, họ còn chấp trước có suy tư là ta. Có suy tư cũng không phải là ta, có suy tư mà suy nghĩ lung tung, họ không phải chánh tri chánh kiến. Bởi vậy có thể suy tư, người xưa gọi là linh hồn. Thật ra đó là nói dễ nghe, hồn chỉ là mê hồn, chứ không linh! Nếu linh tại sao nó đầu thai vào trong tam đồ? Vì sao biến thành súc sanh, biến thành ngựa quỷ? Không linh, nó mê hoặc điên đảo. Cho nên mê hồn là thật, nó không phải linh hồn. Khi mê gọi là mê hồn, khi giác ngộ gọi là linh tánh, đó chính là ta. Linh tánh tuyệt đối không vào trong tam đồ lục đạo, nó đã vượt thoát lục đạo.

Ai chứng được linh tánh? A la hán trở lên, họ chứng được linh tánh, không còn luân hồi nữa. Nhưng phải biết thân không phải là ta, đây là tiến bộ rất lớn. Tiểu thừa chứng quả Tu đà hoàn, đại thừa chứng sơ tín vị Bồ Tát. Đó là dòng thánh, tiểu thừa thánh nhân, họ ở trong lục đạo. Tuy chưa ra khỏi lục đạo, vẫn ở trong lục đạo. Lục đạo chỉ là luân hồi trong hai cõi trời người, tuyệt đối không đọa vào ba đường ác, cho nên gọi là vị bất thoái. Địa vị này của họ là bất thoái, tuyệt đối không đọa vào ba đường ác.

Chúng ta phải nhớ rằng, xem thân này là ta, như vậy họ phải trầm luân trong luân hồi lục đạo, sẽ có ba đường ác. Nếu biết thân này không phải ta, như vậy sẽ không đọa vào ba đường ác. Khởi tâm động niệm không còn nghĩ cho thân này, tuy không được đại tự tại cũng được không ít tự tại, không còn lo cho riêng mình. Không còn lo nghĩ cho thân mình, thân thể này nhất định rất mạnh khỏe, vì sao vậy? Vì thân là hoàn cảnh, nó chuyển tùy theo ý niệm. Ý niệm chánh, mỗi tế bào trong thân thể nó là tự nhiên, tự nhiên chính là mạnh khỏe nhất. Nếu như thường hay nghĩ chỗ này đau, chỗ kia không khỏe, chỗ này khỏe, chỗ kia lành mạnh. Tùy theo ý niệm của ta, toàn bộ tế bào đều thay đổi, sanh biến hóa, vấn đề là như thế. Không nghĩ đến trái lại nó lại tốt, càng nghĩ càng tệ. Đạo lý là như vậy, phải hiểu nó một cách rõ ràng minh bạch.

Loại thứ hai là hành bất thoái, đây là đối với hàng tiểu thừa mà nói. Tiểu thừa như A la hán, Bích chi Phật, đây là hàng nhị thừa. Họ độ chúng sanh chỉ độ người có nhân duyên, không có nhân duyên họ không độ, tâm lượng rất nhỏ. Không như Bồ Tát, Bồ Tát phổ độ, gặp được đều muốn quan tâm. Hàng tiểu thừa gặp được, thấy thuận mắt họ mới độ, không thuận mắt họ không độ. Còn như thế nào? Nếu tìm đến họ thì họ mới dạy, không tìm họ họ không đến tìm ta, đây là hàng nhị thừa. Đại thừa Bồ Tát không như vậy, Bồ Tát đại thừa là hằng độ sanh, mãi mãi độ chúng sanh. Nghĩa là trong tứ hoằng thệ nguyện nói: “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, mỗi niệm họ không quên. Hàng tiểu thừa không phát nguyện như thế, bởi vậy Bồ Tát họ không đọa vào nhị thừa.

Thứ ba là niệm bất thoái. “Niệm niệm nhập vào tát bà nhược hải”. Tát bà nhược hải là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là tánh hải tự tánh, nghĩa là niệm niệm trở về tự tánh, đây là đại thừa, là ai? Là pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Họ có tu hành chăng? Như ở trước chúng ta nói “khiến tâm đợc niệm”, niệm này nghĩa là niệm niệm nhập vào tát bà nhược hải. Đến khi nào họ mới trở về tự tánh? Đến Diệu giác vị.

Bởi vậy cần phải biết, cõi thật báo trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc, ai ở trong đó? Viên giáo sơ trụ đến Đẳng giác, 41 vị pháp thân đại sĩ ở trong cõi báo. Nâng cao thêm một bậc nữa, đó là Diệu giác, Diệu giác không ở đây, Diệu giác đến thường tịch quang. Tát bà nhược hải chính là thường tịch quang, nghĩa là tự tánh, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, chư vị phải biết, tự tánh rất linh. Tất cả chúng sanh có cảm, họ tự nhiên có ứng, cảm ứng đạo giao mọi lúc mọi nơi, không thể nghĩ bàn! Hoàn toàn trở về tự tánh, không hề còn chút tập khí phiền não nào, đây là quả Phật cứu cánh viên mãn.

Chúng ta nói xong ý nghĩa này trước, sau đó xem tiếp ở dưới. “Nhợc ước thử độ”, tức là từ thế giới Ta bà mà nói, thử độ là thế giới Ta bà. Tạng giáo, nghĩa là nói từ Tông Thiên Thai, Tạng giáo tức là sơ quả tiểu thừa, Thông giáo là kiến địa, Biệt giáo là sơ trụ, Viên giáo là sơ tín. Trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Viên giáo, Bồ Tát sơ tín của thập tín vị trong Kinh Hoa Nghiêm, “gọi là vị bất thoái”, nghĩa là nói họ đã phá thân kiến, không còn chấp trước thân này. Thứ hai là phá biên kiến, biên kiến ngày nay chúng ta gọi là đối lập, họ không có ý niệm đối lập với người, đã buông bỏ điều này. Họ không còn thành kiến, thành kiến là gì? Bản thân tôi nghĩ như thế nào, không có ý niệm này, họ có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, sao cũng đợc. Họ đã đến cảnh giới này, nên họ không có tà kiến. Kiến giải của họ đều chính xác, không có sai lầm, đây là vị bất thoái.

Thứ hai là hành bất thoái. Thông giáo Bồ Tát, Biệt giáo thập hồi hướng, Viên giáo thập tín, thập tín tức là đệ thập tín, Biệt giáo là đệ thập hồi hướng, đệ cửu hồi hướng vẫn chưa đợc, phải đệ thập hồi hướng. Viên giáo là đệ thập tín, thập tín tâm

mãn hành bất thoái. Thập tín nghĩa là Phật pháp giới trong thập pháp giới, họ không thoái đến nhị thừa. Hay nói cách khác, Bồ Tát pháp giới trong thập pháp giới có lúc vẫn còn thoái chuyển. Đến địa vị thập pháp giới Phật là không còn thoái chuyển, độ chúng sanh không thoái chuyển, đây là hành bất thoái.

Bên dưới, Biệt giáo sơ địa, Viên giáo sơ trụ, đây là niệm bất thoái. Biệt giáo sơ địa lìa khỏi mười pháp giới, Viên giáo sơ trụ cũng như thế. Họ đi về đâu? Họ đến cõi thật báo trang nghiêm. Lúc này họ chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, chứng giác ngộ cứu cánh viên mãn. Nghĩa là cứu cánh giác, viên mãn giác, cũng chính là trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu giác vị. Họ chỉ có một phương hướng, một mục tiêu như thế, phải chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn, đây là niệm bất thoái.

“Ở trên nói có ba loại bất thoái”. Tồi thượng, là cao nhất, cao nhất là niệm bất thoái. “Tu hành ở cõi này”, ở thế gian chúng ta. “Biệt giáo cần phải chứng sơ hoan hỷ địa”, chính là sơ địa, sơ địa gọi là hoan hỷ địa. “Viên giáo phải đến sơ phát tâm trụ”, sơ phát tâm nghĩa là phát tâm bồ đề. Chư vị phải biết, thật sự phát tâm bồ đề là Viên giáo sơ trụ. “Chúng một phần pháp thân, bắt đầu có thể niệm niệm lưu nhập tát bà nhược hải”. Nếu không chứng được một phần pháp thân, ta không đến được địa vị này.

Biệt giáo sơ địa Bồ Tát và Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, địa vị đoạn chứng như nhau. Đều phá vô minh, chứng pháp thân, đều sanh vào cõi thật báo. Biệt giáo đến sau cùng phải chuyển thành Viên giáo mới viên mãn, bởi vậy địa vị chứng được giống nhau, nhưng trí tuệ không tương đồng. Viên giáo hơn hẳn Biệt giáo, trí tuệ không tương đồng.

Tát bà nhược hải, ở đây giải thích cho chúng ta: “Tức nhất thiết chủng trí hải, tức Như Lai quả hải, nhị biên đều xả, toàn quy về trung đạo”, nghĩa là chân như tự tánh. Nhị biên, nhị biên nghĩa là đối lập. Từ bắt đầu chúng ta đã học tập, quý vị thấy khi nhập môn, vị bất thoái là học tập, thật sự học tập, đến Như Lai địa mới hoàn toàn xả bỏ, ý niệm này đều không còn. Phạm phu chúng ta học tập, không so đo tính toán, nhưng trong tâm vẫn còn ẩn tượng. Tập khí này rất khó đoạn, phải từng bước đi lên, tập khí này ngày càng nhạt dần. Quả thật đến chúng ta nói rõ ràng hơn một chút, đến Biệt giáo sơ địa Bồ Tát, Viên giáo sơ trụ Bồ Tát mới đoạn tận. Tuy đoạn nhưng tập khí vẫn còn, tập khí này là tập khí vô minh. Sau khi đoạn tận tập khí vô minh, tức nhập vào Diệu giác vị. Chúng tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm nói rất nhiều đến điều này, trong hội Hoa Nghiêm chúng ta lãnh hội được, 41 vị pháp thân đại sĩ đều đã phá vô minh. Nghĩa là đều buông bỏ khởi tâm động niệm. Bởi thế về lý mà nói là pháp giới bình đẳng, về sự mà nói tuy không còn khởi tâm động niệm, những vẫn còn tập khí của khởi tâm động niệm. Tập khí không dễ đoạn chút nào, nhất định phải để thời gian dần dần khiến nó tự nhiên không còn nữa. Cần thời gian bao lâu? Trong kinh Đức

Phật nói, cần ba a tăng kỳ kiếp. Như vậy mới biết, tập khí vô thì vô minh thật đáng sợ, ba a tăng kỳ kiếp tự nhiên nó không còn.

Phương pháp niệm Phật này tuyệt diệu vô cùng, chúng ta phải tập thành tập khí niệm Phật. Chúng ta có lý do tin rằng, khi đã tập thành tập khí niệm Phật, thời gian phá tập khí vô minh được rút ngắn lại, nghĩa là sao? Là mượn vô lượng trí tuệ, thần thông, đạo lực của Phật A Di Đà, nhất định giúp ích rất lớn cho chúng ta, công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn.

“Tát bà nhược hải, tức nhất thiết chủng trí”. Nhất thiết chủng trí là Như Lai chứng được. Trí, trong kinh điển nói có ba loại, là nhất thiết trí, đạo chủng trí. Nhất thiết trí là A la hán chứng được, A la hán, Bích Chi Phật chứng được nhất thiết chủng trí. “Biết tổng tướng các pháp”, nghĩa là tổng tướng của tất cả pháp. Tổng tướng là gì? Tổng tướng là không, gọi là vạn pháp giai không. Trong Kinh Kim Cang nói: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, lại nói “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, đây là tổng tướng. Tổng tướng của tất cả pháp bất khả đắc, đây gọi là nhất thiết trí, Thanh văn, Duyên giác chứng được.

Loại thứ hai là đạo chủng trí, là Bồ Tát chứng được. Đạo chủng là gì? Đạo là đạo lý, tất cả pháp này là đạo lý gì. Chủng chủng, nghĩa là tất cả pháp quá nhiều, vô lượng vô biên. Vì sao có những thứ này, đây là đạo lý gì? Loại trí tuệ này A la hán không có. A la hán biết là tổng tướng, Bồ Tát biết là biệt tướng, biệt là sai biệt. Vô lượng vô biên sai biệt, Bồ Tát biết. Như Lai biết nhất thiết chủng trí, nhất thiết trí và đạo chủng trí là một không phải hai, đây là Như Lai địa thượng chứng được, đây mới thật sự viên mãn. Cho nên nói nhất thiết chủng trí hải gọi là Như Lai quả hải, Như Lai chứng được. Hải là hình dung từ, hình dung nó sâu rộng vô biên, không có bến bờ.

“Nhị biên đều xả bỏ, hoàn toàn quy về trung đạo”. Trên thực tế trung đạo cũng là một danh từ, nếu chấp trước trung đạo là sai. Nhị biên này là không hữu nhị biên, không hữu nhị biên đều không cần, nếu chấp vào trung đạo tức là đối lập. Bởi vậy cần phải biết, nhị biên đều phải xả, trung đạo cũng không có, đó mới là thật. Vì phương tiện, nên nói với quý vị về trung đạo, nếu ta chấp vào trung đạo là xong, hỏng hết. Đây nghĩa là pháp còn phải xả, hướng gì phi pháp, đến sau cùng Phật pháp cũng phải xả bỏ một cách triệt để. Phải biết rằng, Đức Phật nói mà không nói, không nói mà nói. Chúng ta tuyệt đối không thể đối với tất cả pháp Đức Phật nói, sanh ra một thứ tri kiến, như vậy là sai, đó không phải là ý của Phật.

“Bắt đầu nói niệm niệm lưu nhập tát bà nhược hải”. Khi hoàn toàn quy về trung đạo mới nói một câu như thế. “Cho thấy niệm bất thoái rất khó chứng”. Trong tam bất thoái, niệm bất thoái quả thật vô cùng khó khăn, người minh tâm kiến tánh mới có thể chứng được. “Nhưng nguyện này nói”, đây là những gì Phật A Di Đà nói trong

nguyện thứ 20. “Mười phương chúng sanh, nghe danh phát tâm, nhất tâm niệm ta, tức sanh vào cõi nước ta, làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”. Đây là nguyện văn của nguyện 20.

“Tiểu bản cũng nói”, tiểu bản là Kinh A Di Đà chúng ta thường tụng: “Cõi nước Cực Lạc, chúng sanh sanh vào đó, đều là A Bệ Bạt Trí”, tức trong Kinh Vô Lượng Thọ gọi là A Duy Việt Trí. Đại và tiểu bản Đức Phật đều nói như nhau, cho thấy điều này là chân thật không hư vọng. A Duy Việt Trí Bồ Tát đầy đủ ba loại bất thoái, đó là ai? Chúng ta vừa mới học xong, là Viên giáo sơ trụ, Biệt giáo sơ địa. Người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, cho dù là cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng làm A duy Việt Trí Bồ Tát. Họ không nói, cõi phàm thánh đồng cư ngoại lệ, không nói như thế, nghĩa là bao gồm cõi phàm thánh đồng cư. Lợi ích này quá thù thắng.

Chúng ta ở thế gian này, muốn tu đến sơ trụ đâu phải chuyện đơn giản, đến khi nào ta mới tu được! Đừng nói tu đến sơ trụ Bồ Tát, đến sơ tín vị đời này chúng ta cũng chưa tu đến được. Nghĩa là nói, vị bất thoái, đời này chúng ta không thể chứng được, huống gì niệm bất thoái. Nhưng khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đều đạt được, đạt được cả ba loại bất thoái. Điều này tuyệt đối không phải Phật A Di Đà mê hoặc chúng ta, không phải, mỗi câu mỗi chữ của Phật A Di Đà đều là lời chân thật. Vì sao ta có thể đạt được? Là nhờ nguyện lực 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. 48 nguyện của ngài, mỗi câu sau cùng của nguyện đều nói: “nếu không thành tựu nguyện này, không thủ chánh giác”. Nếu không làm được, ngài sẽ không thành Phật. Hiện nay Phật A Di Đà thành Phật đã mười kiếp, có thể thấy nguyện của ngài hoàn toàn được thực hiện.

Nếu muốn biết thế giới tây phương Cực Lạc thù thắng ở điểm nào, đọc tường tận 48 nguyện sẽ thấu triệt. Đến thế giới tây phương Cực Lạc, ta sống cuộc sống như thế nào, ta sống ngày tháng ra sao, trong 48 nguyện đều nói rõ hết. 48 nguyện là chính Phật A Di Đà nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuật lại cho chúng ta. Phật A Di Đà nói như thế nào, Đức Thế Tôn cũng thuật lại như thế, không thêm không bớt.

“Yếu Giải nói, ngày nay Tịnh độ, ngũ nghịch thập ác, mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, đạt được hạ hạ phẩm, đều được tam bất thoái”, đây là đại sư Ngẫu Ích nói. “Hàng hạ hạ phẩm cũng chứng tam bất thoái, một đời viên thành quả Phật. Điều này mười phương thế giới không có, duy nhất thế giới Cực Lạc có. Thắng dị siêu tuyệt như thế, lời nói và tư tưởng không sao diễn tả được”. Lời này là thật. Người ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến thế giới Cực Lạc cũng chứng tam bất thoái, chứng tam bất thoái chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Ở thế giới tây phương một đời, người ở thế giới Cực Lạc thọ mạng rất dài, vô lượng thọ. Phật vô lượng thọ, mỗi người vãng sanh cũng là vô lượng thọ, cho nên trong một đời nhất định viên thành quả Phật.

Chúng ta đọc Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật sẽ biết, trong Quán Kinh nói với chúng ta. Tức là người ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, bản thân tu hành ở thế giới Cực Lạc, chúng được địa vị viên giáo sơ trụ, cần bao nhiêu thời gian? 12 kiếp. Đối với chúng ta 12 kiếp rất dài, nhưng ở thế giới tây phương Cực Lạc là vô lượng thọ, đối với họ 12 kiếp rất ngắn. Như chúng ta nói, ở thế gian này thân người có thể sống đến 100 tuổi, họ chỉ cần 12 ngày là chúng được, chỉ đơn giản như thế.

Nếu ở thế gian chúng ta muốn chúng được, phải vô lượng kiếp. Ở thế giới Cực Lạc chỉ 12 kiếp là đạt được. Trước khi chưa đạt được nhờ Phật lực gia trì, sau khi đạt được là năng lực của chính mình. Khi chưa đạt được, Phật lực gia trì chúng ta, trí tuệ, thần thông, đạo lực không khác gì với A Duy Việt Trí Bồ Tát, là nhờ Phật gia trì. 12 kiếp sau, Phật không gia trì thì tự thân ta cũng chúng được. Lợi ích vì điều này đến đâu để tìm? Quả thật như ở đây nói, đại sư Ngẫu Ích nói: “duy chỉ thế giới Cực Lạc mới có”.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, giới thiệu cõi nước chư Phật khắp mười phương, có rất nhiều điều chưa nói đến, chỉ có thế giới Cực Lạc có. Đây chính là vì sao chúng ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, đạo lý là như vậy. “Thắng dị như thế”, thắng là thù thắng, dị là hy hữu. “Siêu tuyệt”, ngôn ngữ, tư lương đều không thể nào tưởng tượng được. Không thể nói được, cũng không tượng tượng đến được.

“Cho nên Yếu Giải nói, không phải trình độ cao nhất của tâm tánh, công lao to lớn của trì danh, đại nguyện của Phật A Di Đà, sao có được như thế”. Ba câu này rất quan trọng! Trình độ cao nhất của tâm tánh là nói tự tánh của chúng ta, tự tánh chúng ta không thể nghĩ bàn, nhưng ngày nay chúng ta mê mất tự tánh. Nếu trong tự tánh chúng ta không có, Phật A Di Đà không giúp gì được. Tự tánh chúng ta có, nhưng vì mê, mê làm chướng ngại trí tuệ và đức năng trong tự tánh. Nó không khởi tác dụng, không phải không có. Đây là nói ra nguyên nhân chính, không nói ra làm sao Phật A Di Đà giúp được? Là vì tự tánh chúng ta có, tự tánh chúng ta có, nhưng tập khí phiền não trong tự tánh rất nặng, không thể hiện tiền. Phật A Di Đà dùng oai thần bản nguyện gia trì chúng ta, khiến đức năng và trí tuệ trong tự tánh của chúng ta cũng có thể hiện tiền, nhưng điều này phải dựa vào nhân duyên oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà. Không có nhân duyên này, chướng ngại của chúng ta, chướng ngại nó không thể hiển lộ. Nghĩa là chúng ta không thể làm cho nó hiển lộ, Đức Phật A Di Đà cũng giúp ta hiển lộ, ngài có bản lĩnh này, vẫn là chính mình. Nhưng không dựa vào sức mạnh của Phật A Di Đà, sẽ không khởi tác dụng, nhất định phải lấy ngài làm duyên. Nhân vẫn là chính mình, như vậy mới nói thông suốt được, nếu không không thể thông suốt.

Công lao to lớn của trì danh, đại nguyện của Phật A Di Đà, đây là duyên. Bản thân chúng ta phải niệm Phật, phải tin sâu nguyện thiết, phải niệm Phật, nguyện lực Phật A Di Đà gia trì, vấn đề này mới có thể thuận lợi xuất hiện. Nếu tự mình hoài nghi mình, điều này sao có thể? Đối với nguyện lực của Phật A Di Đà cũng không thể tin sâu, như vậy vấn đề này rất khó. Trong pháp môn niệm Phật quan trọng nhất là hoàn toàn không có hoài nghi. Công đức lớn lao của việc trì danh, mới có thể hiển thị ra được. Huân là công huân, thông thường chúng ta gọi là công đức. Nguyện lực của Phật A Di Đà liền hiện tiền. Vì sao có những người niệm Phật, số ít, không phải số nhiều. Đại khái trong số mấy trăm ngàn người niệm Phật, mới có một hai người như thế, có hiệu quả thù thắng này? Thù thắng nhất là khi thân bị bệnh nặng, chẳng hạn như ung thư. Bác sĩ tuyên bố hết cách trị liệu, nhiều nhất chỉ sống thêm 3 tháng. Như ngày xưa Tây Sơn Tiểu Viện, trường hợp của hơn 40 người đó. Họ đã được bác sĩ tuyên bố, đồng nghĩa với tuyên bố tử hình, thọ mạng của quý vị chỉ còn ba tháng. Họ buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, niệm đến ba tháng thì bệnh lành hẳn, khi đi tái khám bệnh không còn. Nguyên nhân là gì? Họ không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Cũng chính là trong Viên Thông Chương, Bồ Tát Đại Thế Chí dạy cho chúng ta phương pháp niệm Phật: “Đồ nhiếp lực căn, tịnh niệm tương tục”, như vậy bệnh sẽ lành.

Vì sao có một số người bệnh nặng nhưng niệm Phật cũng không lành? Vì họ không có niềm tin. Đầu tiên là nghi ngờ nghiệp chướng mình quá sâu nặng, trong quá khứ tạo quá nhiều tội nghiệp. Tự trách, tự trách không phải là việc tốt, tự trách quá cũng tạo thành chướng ngại cho mình. Đức Phật từ bi, có thể tha thứ cho ta chăng? Hoài nghi, Phật có thể tha thứ cho ta chăng? Sợ Phật không tha thứ cho mình. Quý vị xem, đây không phải tự gây phiền phức cho mình ư? Đức Phật vốn không có chuyện gì xảy ra cả, đều là do tự mình nghĩ ra rất nhiều vấn đề, làm chướng ngại chính mình, sai là ở chỗ này, chúng ta không thể không biết. Sau khi biết nhất định phải trừ bỏ những sai lầm này, trừ bỏ triệt để. Đời này chúng ta mới có thể thuận lợi vãng sanh, mới có thể thành tựu công đức vô cùng thù thắng.

Câu sau cùng nói: “Hai nguyện này đối với 48 nguyện, như hồng tâm của bia bắn tên. Đối với nguyện thứ 18, tức như trung tâm của hồng tâm”. Nguyện 18, 19, 20, thực tế mà nói ba nguyện này là một nguyện. Nếu chúng ta thấu triệt ba nguyện này, mới có thể đoạn tận nghi hoặc đối với Tịnh tông. Đây gọi là phá mê khai ngộ, đoạn nghi sanh tín. Nếu không thấu triệt ba nguyện này, ta không thể hóa giải được nghi hoặc, không hóa giải sẽ tạo nên chướng ngại cho ta. Nếu hóa giải, hiệu quả hiện ra ngay trước mắt.

Phật pháp thường nói tam chuyển pháp luân, thị chuyển, đó là hàng thượng căn, vừa nói đến lập tức giác ngộ. Thứ hai là khuyến chuyển, thuộc hàng trung căn, Phật giảng kinh thuyết pháp là khuyến chúng ta. Thứ ba thuộc hàng hạ căn, khuyến cũng

không được, họ cần nhìn thấy chứng cứ họ mới tin. Như Tây Sơn Tiểu Viện, đây là chứng cứ, rất nhiều người đều biết, đây là chứng chuyển.

Rất nhiều chứng cứ bày ra trước mắt vẫn không tin, như vậy là hết cách. Phật A Di Đà nói, thôi đợi đến đời sau kiếp sau có nhân duyên thì tính tiếp, đời này không còn cách nào khác. Chúng ta không thể không biết điều này.

Bây giờ thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây.

Hết tập 222